Thì Tương lai gần: be going to (sẽ, dự định).

**Câu khẳng định: S + be + going to + động từ nguyên mẫu không "to".**

**Câu phủ định: S + be + not + going to + động từ nguyên mẫu không "to".**

**Câu nghi vấn - Câu hỏi: be + S + going to + động từ nguyên mẫu không "to"?**

**Câu hỏi WHAT với "be going to":**

**What + be + S + going to + động từ + for/ on + sự kiện sẽ diễn ra?**

**Ex: Chia động từ ở thì Tương lai đơn hoặc tương lai gần.**

1. "I am not going to play soccer this afternoon."
2. "What _____ you_____ (do)?"
3. Look at those clouds. It _____ (rain)
4. I feel terrible. I think I _____(be) sick.
5. "Tom had an accident last night." "Oh! I see I_____ (visit) him"
6. I think Li Li _____ (like) the present we bought for her.
7. We _____ visit our grand parents this evening.
8. "Nam phoned you while you were out." "OK. I _____(call) him back."
9. I am tidy the room. I _____ (hold) my birthday tonight.
10. I _____ (see) the movie Dream City this evening.
11. "Don't play soccer here again." "I'm sorry. I _____ (do) that again.

**Ex 2: Chia dạng đúng của từ trong ngoặc**

1. She _____ (have) a birthday party.
2. Tom _____ (pass) his exams.
3. I _____ (make) sausages for lunch.
4. They _____ (go) to England.
5. My sister _____ (do) her English homework.
6. It _____ (fall) down.
7. We _____ (visit) our relatives.
8. The children _____ (surf) the web.

LIVEWORKSHEETS